

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HS-PT
Ngày: 12-7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và Ông Dương Viết Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đoàn Quang Tiến- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2021/HSPT ngày 08/6/2021 đối với bị cáo Lê Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo kháng cáo: Lê Thị N; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 6 năm 1996 tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thuận T và bà Lê Thị D; chồng: Lê Bảo K; có 01 con sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/12/2020 cho đến nay, có mặt.

Vụ án này còn có các bị hại ông Phan Viết K, ông Lê Văn D, bà Trần Thị H; có những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không có kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 04/11/2020, Lê Thị N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73H1- 305.08 của anh Lê Bảo K (chồng của N) đến nhà ông Lê Văn D ở thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình để trộm cắp tài sản. Như để xe ngoài đường rồi đi bộ vào sân, thấy nhà không có người nên mở cửa phòng lòi bên trái, đột nhập

vào trong lục tìm tài sản thì phát hiện chùm chìa khóa bỏ trong túi áo được treo trong tủ áo quần. N lấy chìa khóa mở cửa bên trái của tủ thờ thì phát hiện một nồi cơm điện, bên trong nồi có 01 hộp nhựa Milo đựng 05 cái nhẫn vàng, 04 dây chuyền vàng (trong đó có 01 dây chuyền có mặt đá bọc vàng) tổng cộng là 27,5 chỉ vàng 9999. N lấy trộm số vàng trên bỏ vào túi quần, bỏ hộp Milo vào lại trong nồi cơm điện, để lại vị trí ban đầu và khóa cửa tủ. N tiếp tục mở cửa tủ thờ bên phải lấy trộm 01 cái ví, bên trong có 27.500.000 đồng. Sau đó khóa tủ, bỏ chùm chìa khóa vào vị trí ban đầu rồi lấy xe về nhà.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy, định giá và kết luận: 27,5 chỉ vàng 9999 và mặt đá bọc vàng có tổng giá trị 145.150.000 đồng.

Ngoài ra, Lê Thị N còn khai nhận thực hiện thêm 02 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ, ngày 01/8/2020, Lê Thị N đi bộ từ nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đến nhà ông Phan Viết K ở cùng thôn. Thấy cổng nhà ông K mở trong nhà không có người, cửa bếp không khóa, N đi vào trong nhà đến vị trí đặt chiếc tủ cạnh giường ngủ, thấy phía sau lưng tủ có lỗ thủng, N thò tay vào trong lấy ra một túi ni long màu đen, bên trong túi ni long có một vỏ hộp thuốc, bên trong vỏ hộp thuốc có 1 lắc tay vàng 9999 03 chỉ vàng, 10 nhẫn vàng 9999 mỗi nhẫn 0,5 chỉ, 03 nhẫn vàng 9999 mỗi nhẫn 01 chỉ, tổng cộng là 11 chỉ vàng 9999. N lấy trộm toàn bộ số vàng bỏ vào túi áo, rồi cho vỏ hộp thuốc vào túi ni long để lại vị trí ban đầu. Sau đó, N đưa số vàng trộm được về nhà cất giấu.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy, định giá và kết luận: 11 chỉ vàng 9999 có tổng giá trị 57.860.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ, ngày 10/10/2020, N điều khiển xe mô tô BKS 73H1 - 305.08 đến sửa xe tại quán sửa xe của anh Thái Văn H ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Lúc đang đợi sửa xe, N đi bộ đến nhà bà Trần Thị H ở thôn N, xã T, huyện L gần quán sửa xe chơi, thấy nhà đóng cửa không có người nên có ý định trộm cắp tài sản, N đi bộ ra phía sau, mở cửa đi vào trong nhà lục tìm tài sản thì phát hiện cái giỏ màu đen để ở dưới giường, bên trong có 80.000.000 đồng, 01 lắc tay vàng 9999 03 chỉ, 01 dây chuyền vàng tây 02 chỉ có mặt hình con rùa, 01 nhẫn vàng tây 01 chỉ, 01 đôi khuyên tai vàng tây 01 chỉ, được gói trong mũ áo phao, N lấy trộm toàn bộ số tiền và vàng bỏ vào túi áo và ra về.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy, định giá và kết luận: 03 chỉ vàng 9999, 04 chỉ vàng tây và mặt hình con rùa bằng vàng tây có tổng giá trị 29.936.000 đồng.

Toàn bộ số vàng trộm được Như đưa đến bán ở tiệm vàng K ở thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Số tiền bán vàng và số tiền trộm cắp được N mua vàng, điện thoại di động, loa karaoke, máy giặt và tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, N còn dùng

số tiền đó cho anh Nguyễn Văn Đ, chị Lê Thị Kim N, chị Lê Thị T và chị Lê Thị D mượn, N mua tài sản cho anh Lê Bảo K.

Việc thu giữ, tạm giữ, đồ vật tài liệu và xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lê Thủy tạm giữ 05 sợi dây chuyền vàng; 02 sợi dây đeo tay vàng; 01 nhẫn vàng; 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 loa karaoke và Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành 11.500.000 đồng.

Ngày 04/01/2021 Cơ quan điều tra trả lại bà Trần Thị H: 01 dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng, 02 sợi dây đeo tay vàng, 01 máy giặt hiệu Panasonic. Trả lại cho ông Lê Văn D: 04 dây chuyền vàng, 01 loa karaoke và số tiền 11.500.000 đồng.

Về dân sự: Ông Lê Văn D, bà Trần Thị H đã nhận lại một phần tài sản bị mất, bị cáo Lê Thị N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thêm cho ông Lê Văn D số tiền 74.740.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999; bồi thường thêm cho bà Trần Thị H số tiền 76.800.000 đồng; bồi thường cho ông Phan Viết K số tiền 57.860.000 đồng, các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ và trả lại cho các bị hại theo đúng quy định nên không đề nghị xem xét.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT- VKSNDLT ngày 18/3/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Lê Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bản án số 17/2021/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Lê Thủy quyết định tuyên bố bị cáo Lê Thị N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị N 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, tuyên buộc bị cáo trên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, Ngày 05/5/2021 bị cáo Lê Thị N kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm xử bị cáo 07 năm tù là quá nặng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị N khai và thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 355, 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, những người bào chữa, các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Bản án sơ thẩm tuyên bị cáo Lê Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Như vậy, vào các ngày 04/11/2020, 01/8/2020 và 10/10/2020 bị cáo N đã 03 lần thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, theo định giá của cơ quan chuyên môn có tổng giá trị là 340.446.000 đồng; Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị N:

Hành vi của bị cáo N đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương; theo tính chất, mức độ vụ án, yêu cầu đấu tranh đối với loại tội phạm này thì hình phạt với mức án 07 năm tù tội “Trộm cắp tài sản” mà án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo trong vụ án là nghiêm minh và đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại đã gây ra, bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án được quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự, bị cáo được bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với tình tiết tăng nặng, bị cáo phạm tội 02 lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện các vụ trộm tài sản với hành vi táo bạo, tài sản trộm cắp với số lượng lớn, nhiều lần, cấp sơ thẩm đã xem xét xử ngang với mức khởi điểm của hình phạt là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị N để giảm nhẹ hình phạt.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lê Thị N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo N là có cơ sở.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị N và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị N 07 (bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị N phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. (12/7/2021).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Phòng HSNVCS-CA Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Đức Long